

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2019

V/v ly hôn giữa chị T và anh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/01/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Phương T, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 2B, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 2B, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11 tháng 12 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Trần Phương T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phương T và anh Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Phi ở xóm 2B, xã HP được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh P không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chửi bới và có những hành động đe dọa vợ con, cuộc sống chung quá nặng nề, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T làm đơn đề nghị tòa án cho được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 22/9/2016, hiện đang sống cùng anh P và ông bà nội. Nay vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật và nếu anh P có nguyện vọng nuôi con chung thì chị T cũng đồng ý và chị T tự có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T khai nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay điều kiện công việc bận rộn không đến Tòa án làm việc được nên chị Trần Phương T đề nghị được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án, giữ nguyên lời khai ở trên, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Quá trình tố tụng bị đơn – anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh P có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và ly thân. Tuy nhiên theo anh P nguyên nhân vợ chồng có mâu thuẫn với nhau dẫn đến việc chị T bỏ đi sống ly thân là do kinh tế không thống nhất và do cả hai còn trẻ nên không làm chủ được bản thân đến nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh P không nhất trí, đề nghị Tòa án phân tích để vợ chồng đoàn tụ, còn nếu chị T quyết tâm ly hôn, anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 22/9/2016, hiện đang sống cùng anh P và ông bà nội. Tuy không nhất trí ly hôn nhưng nếu buộc phải ly hôn, anh P có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh P khai nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Phương T vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Phương T và anh Nguyễn Văn P trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 3 năm 2016 là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Phương T và anh Nguyễn Văn P là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do không thật sự tin tưởng và cảm thông chia sẻ với nhau, tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ trách nhiệm tình cảm từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh P không nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu đề nghị xin ly hôn của chị T để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] *Về nuôi con chung:*

Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 22/9/2016, hiện đang sống cùng anh P. Nay ly hôn, chị T và anh P đều có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng tiền nuôi con chung, trường hợp anh P quyết tâm, chị T nhất trí để anh P được là người nuôi dưỡng.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của các bên đương sự là mong muốn chính đáng, nghĩa vụ chăm sóc con thuộc về trách nhiệm chung của cha mẹ, tuy nhiên, hiện nay cháu C đang chung sống cùng anh P, chị T cũng nhất trí giao

con chung cho anh P nếu anh P có nguyện vọng nuôi con chung, vì vậy nên tiếp tục giao cháu C cho anh P nuôi dưỡng trực tiếp và chấp nhận ý kiến tự nguyện của anh Nguyễn Văn P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về chia tài sản và công nợ chung*: Chị T và anh Ph không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn*: Chị Trần Phương T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Phương T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 22/9/2016 cho anh Nguyễn Văn P nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh P, trừ trường hợp chị T, anh P có yêu cầu khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được gây khó khăn cản trở, nhưng người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự:

Chị Trần Phương T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000266 ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã HP: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng